

Bản án số: **104/2018/DS-PT**

Ngày: 20/8/2018

V/v: Tranh chấp đòi lại đất cho mượn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Thiện Kế**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũ**

Ông Nguyễn Khánh Hùng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Trần Văn Nghiệp**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 75/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp đòi lại đất cho mượn*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1952. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị T**. (đều có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: Của các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào năm 2013, bà có cho vợ chồng em ruột của bà là ông Nguyễn Văn P và vợ là bà Nguyễn Thị T mượn số đất có diện tích 04 công tầm 03 mét đất trồng lúa trên thực tế đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 437, tờ bản đồ số 01, có diện tích 7.041m², tọa lạc ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng, do ủy ban nhân dân huyện Châu T cấp cho bà vào ngày 22/6/2009. Đến ngày 20/3/2017, bà có đến nhà vợ chồng em bà lấy lại đất để canh tác kiếm tiền trị bệnh, nhưng vợ chồng em bà không trả đất cho bà và nói đất này là của cha để lại cho vợ chồng ông P và bà T để thờ cúng ông bà. Bà không đồng ý với ý kiến của ông P và bà T, vì đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà được đứng tên, bà có làm đơn yêu cầu ấp, xã hòa giải nhưng không thành.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T trả lại phần đất tại thửa số 437, tờ bản đồ số 01, có diện tích 7.041m², tọa lạc ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện Châu T cấp cho bà vào ngày 22/6/2009 với diện tích 7.041m².

Các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa số 437, tờ bản đồ số 01, có diện tích 7.041m², tọa lạc ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng là của cha chồng là ông Nguyễn Văn Z, khi còn sống cho chồng bà sử dụng canh tác để thờ cúng ông bà. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D thì bà không đồng ý, vì gia đình bà đang ở và đang canh tác phần đất này, đây là phần đất hương quả, vợ chồng bà dung để thờ cúng ông bà, chứ không có mượn đất của bà D nên bà không đồng ý trả đất.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Châu T thụ lý, giải quyết như sau:

Căn cứ:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 465, Điều 467, Điều 722 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013
- Áp dụng khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết 324/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;
- Áp dụng Điều 42 của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng số 02/2012/UBTV QH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T trả lại cho bà Nguyễn Thị D diện tích đất 5.838,9m², tọa lạc thửa đất số 437, tờ bản đồ số 01, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc ấp Hòa L, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng (có tứ cận kèm theo).

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST, ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu T tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề xuất Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng phần đất tranh chấp tại thửa 437, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng là của nguyên đơn cho các bị đơn mượn canh tác, do điều kiện bị bệnh cần tiền nên yêu cầu các bị đơn trả lại nhưng các bị đơn không đồng ý, nên xảy ra tranh chấp. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả lại phần đất tranh chấp.

[2.2] Bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp này là của cha của các bị đơn là ông Nguyễn Văn Z cho các bị đơn canh tác để thờ cúng ông bà, đây là đất hương quả, không phải đất của bà D nên các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn thì thấy,

[3.1] Xét thấy, phần đất tranh chấp tại thửa số 437 có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị C. Nguyên đơn cho rằng, sau khi cha mẹ chết năm 2007 thì các

anh em trong gia đình hợp gia đình để phân chia phần đất tại thửa số 17, thửa số 12 và thửa số 01 cho nguyên đơn. Sau khi được phân chia thì nguyên đơn tiến hành các thủ tục để xin đăng ký quyền sử dụng đất. Đến ngày 22/6/2009 thì nguyên đơn được Ủy ban nhân dân huyện Châu T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 616671, diện tích 7.041m² qua đo đạc thực tế là 5.838,9m², tại thửa số 437, tờ bản đồ số 01. Tại Công văn số 288/UBND-VP, ngày 03/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu T thể hiện việc Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 616671, diện tích 7.041m², tại thửa số 437, tờ bản đồ số 01 cho bà D là căn cứ vào biên bản họp gia đình, biên bản này được Ủy ban xã An N xác nhận ngày 14/4/2009 là đúng trình tự thủ tục tại thời điểm đăng ký, hồ sơ đăng ký thửa đất có kích thước cụ thể từ cạnh. Bị đơn thì cho rằng phần đất tranh chấp này thì các bị đơn được cha mẹ là ông Z và bà C cho, tuy nhiên các bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện là được cha mẹ cho phần đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn có cung cấp cho Hội đồng xét xử Đơn xin xác nhận ngày 02/7/2007, thể hiện nội dung các anh chị em đồng ý cho ông P các thửa đất 01, 17, 12, có chữ ký của ông Q, ông T và bà D, đồng thời có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An N. Tuy nhiên, bị đơn chỉ cung cấp được bản photo không có công chứng, chứng thực, khi Hội đồng xét xử yêu cầu cung cấp bản chính thì các bị đơn cho rằng bị thất lạc. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn xác nhận này không được xem là chứng cứ. tại phiên tòa hôm nay, ông P cho rằng khi bà D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này thì ông không biết, nhưng tại biên bản họp gia đình phân chia các thửa đất này cho bà D cũng như biên bản xác minh ranh giới, mốc giới nguồn gốc thửa đất thì ông P đều thừa nhận là chữ ký của ông P. Bởi lẽ, sau khi cha mẹ ông P và bà D chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Z và bà Chi họp lại và thống nhất giao cho bà D quyền sử dụng đất trên, sau đó thì bà D được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp này. việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Phần đất tranh chấp tại thửa 437, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng qua đo đạc thẩm định thực tế là 5.838,9m² có tứ cận:

- Hướng Đông giáp thửa 17, có số đo 48,6m (không có bờ ranh);
- Hướng tây giáp thửa 463, có số đo 53,3m;
- Hướng nam giáp thửa 25 có số đo 122,7m;
- Hướng bắc giáp thửa 15, có số đo 122,7m

[4] Từ những phân tích trên phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Z và bà C sau khi chết thì anh em trong gia đình họp lại phân chia cho bà D phần đất này, sau đó nguyên đơn được cấp Giấy chứng nhận. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận thì nguyên đơn cho bị đơn mượn canh tác phần đất này. Nên việc nguyên đơn đòi lại phần đất này là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về việc “*Tranh chấp đòi lại đất cho mượn*” giữa nguyên đơn ông bà Nguyễn Thị D với các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T như sau:

Phân tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T trả lại cho bà /Nguyễn Thị D diện tích đất 5.838,9m², tại thửa số 437, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Có tứ cận như sau:*

- Hướng Đông giáp thửa 17, có số đo 48,6m (không có bờ ranh);
- Hướng tây giáp thửa 463, có số đo 53,3m;
- Hướng nam giáp thửa 25 có số đo 122,7m;
- Hướng bắc giáp thửa 15, có số đo 122,7m.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá gạch là 300.000 đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền 3.500.000 đồng theo Phiếu thu ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện xong 2.950.000 đồng phía nguyên đơn tự chịu. Trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản còn thừa lại là 550.000 đồng.

2. Án phí phúc thẩm: Các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền các bị đơn đã nộp tạm ứng trước là 300.000 đồng theo phiếu thu số 0001271 (đối với bà T) và 300.000 đồng theo phiếu thu số 0001270 (đối với ông P), cùng ngày 20/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Châu T;
- Chi cục THA huyện Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thiện Kế